

SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU TỔ CHỨC KINH TẾ VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA NÔNG DÂN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

*Sbitara Sumiko**

I. GIỚI THIỆU

Trong quá trình đổi mới kinh tế của Việt Nam, tình hình nông nghiệp Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Số lượng nông sản tăng lên và chủng loại nông sản cũng được đa dạng hóa.

Nhưng hiện nay đa số nông dân vẫn còn nghèo và không được hưởng đúng lợi ích của sự phát triển của nông nghiệp Việt Nam nói chung. Ví dụ như nông dân ở đồng bằng sông Hồng, mật độ dân số cao nhưng diện tích đất đai ít, vì vậy tốc độ phát triển nông nghiệp vẫn còn có nhiều hạn chế. Mức sống của bà con nông dân cũng không thể nào tăng lên được. Với một nước có trên 70% dân số ở nông thôn thì việc suy nghĩ tìm biện pháp làm thế nào để nâng cao mức sống của nông dân có ý nghĩa to lớn.

Một lý do làm cho đời sống nông dân vẫn còn thấp là vì thiếu một tổ chức tiêu thụ sản phẩm cho họ. Vì thế, thứ nhất, nông dân phải tự lo việc đi bán sản phẩm của mình. Thứ hai, ít nông dân nắm được xu hướng thị trường. Nói tóm lại, cấu trúc nối người sản xuất và người tiêu dùng chưa được hình thành hoặc nếu có thì vẫn kém hiệu quả. Chính vì vậy, mặc dù điều kiện sản xuất như là hệ thống nước, vật liệu nông nghiệp (phân bón, hạt giống), kỹ thuật sản xuất đã tiến bộ, nhưng điều đó chưa cải thiện được thu nhập của nông dân.

Căn cứ những điều nêu trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu xem xét vai trò của tổ chức tiêu thụ sản phẩm của nông dân và xem xét ảnh hưởng của tổ chức đó trong việc giúp bà con nông dân sản xuất được những sản phẩm đáp ứng đúng nhu cầu thị trường.

* Nghiên cứu sinh, Đại học Hitotsubashi, Nhật Bản.

II. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ

Trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa nông dân và thị trường ở khu vực Đông Nam Á, chúng tôi thấy có hai ý kiến trái ngược nhau. Một bên là ý kiến của Geertz cho rằng trong quá trình thương mại hóa nông nghiệp ở Indonesia, nông dân ở làng xã bị lùi đẩy và người đô thị sẽ chiếm lĩnh thị trường thương mại [Geertz 1963]. Theo lý luận của Geertz, không thể có người đứng lên để xây dựng tổ chức trong phạm vi làng xã nên nông dân không có quyền để quyết định giá sản phẩm của mình và luôn luôn bị tư thương lớn mua rẻ sản phẩm.

Còn Hayami và Kawagoe cho rằng, có một thực tế khác cũng ở Indonesia là trong quá trình thương mại hóa nông nghiệp, nông dân vẫn có thể đi buôn bán hoặc chế biến sản phẩm của mình. Họ xây dựng tổ chức thành từng lớp người thu gom sản phẩm nông nghiệp trong làng, tư thương nối các làng, người buôn lớn để phân công từng lớp. Và do có cơ cấu cạnh tranh thị trường này nên thậm chí tư thương lớn không thể nào nhận quá nhiều lợi nhuận [Hayami và Kawagoe 1993].

Trong công trình nghiên cứu này, chúng tôi muốn tìm hiểu về vấn đề này ở Việt Nam, để biết hình thức nào trong hai hình thức nêu trên sẽ phù hợp với Việt Nam. Và chúng tôi thấy rằng, đáng chú ý là ở Việt Nam có thể có khả năng phát triển một hình thức khác với hai hình thức nêu trên vì có nhiều kiểu hợp tác xã (HTX) mới mọc lên ở nhiều nơi khác nhau theo luật HTX năm 1997 và các HTX này cũng tham gia vào các hoạt động buôn bán. Thực tế là trong công trình nghiên cứu của Hayami và Kawagoe cũng không giải thích với điều kiện nào và như thế nào thì nông dân có thể xây dựng được tổ chức tiêu thụ sản phẩm của mình. Vì vậy, chúng tôi nghiên cứu thực tế ở hai xã cụ thể và những điều kiện khác biệt của từng xã có tác động như thế nào đến tổ chức kinh tế để tiêu thụ sản phẩm của nông dân.

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu và điều tra ở hai xã sản xuất rau an toàn (rau sạch) ở ngoại thành Hà Nội.

Lý do tại sao chúng tôi lại chọn xã sản xuất rau an toàn là vì: Có một báo cáo là rau an toàn chỉ chiếm 5 % thị trường rau Hà Nội vì người tiêu dùng không phân biệt được đây có phải là an toàn hay không nếu chỉ nhìn bên ngoài. Cho nên người tiêu dùng cũng ngại bỏ ra nhiều tiền hơn để mua rau an toàn. Rau an toàn là một sản phẩm có khả năng phát triển hơn nữa nếu có một tổ chức tiêu thụ hợp lý và tiện lợi hơn. Vì vậy rau an toàn sẽ là đối tượng nghiên cứu phù hợp với việc tổ chức tiêu thụ sản phẩm của nông dân. Tổ chức này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến việc bà con nông dân sản xuất được những sản phẩm phù hợp với thị trường.

Hai xã chúng tôi nghiên cứu thực tế có điều kiện giống nhau về mặt tự nhiên, địa lý và xã hội. Đó là xã Vân Nội, huyện Đông Anh, (thành phố Hà Nội) và xã Văn Đức, huyện Gia Lâm, (thành phố Hà Nội). Điều kiện giống nhau thứ nhất là hai xã đều cách trung tâm Hà Nội 17 km, thuận lợi cho việc tiếp cận thị trường Hà Nội. Thứ hai, hai xã đều có đất đai phù hợp với sản xuất rau và có tiếng về kinh nghiệm sản xuất rau từ lâu. Vì thế khi Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có dự án rau an toàn năm 1995, hai xã đều được chọn để thực hiện mô hình sản xuất này. Thứ ba, HTX kiểu cũ (tức là HTX từ thời kỳ bao cấp) hiện nay vẫn còn tồn tại ở hai xã này và có tên gọi là HTX dịch vụ nông nghiệp. Hai xã có điều kiện giống nhau như thế này, nhưng xã Vân Nội thì chiếm được thị trường của rau an toàn ở Hà Nội, còn xã Văn Đức thì không thành công. Thông qua điều tra chúng tôi đã tìm hiểu lý do tại sao một bên thì thành công còn một bên thì không thành công?

Thời gian thực hiện điều tra là từ tháng 10 đến tháng 11-2003. Chúng tôi phỏng vấn các cán bộ của xã và HTX, đồng thời chọn ra một thôn trong xã và phỏng vấn 50 hộ gia đình từng xã, tổng cộng là 100 hộ. Đối tượng phỏng vấn được chọn ngẫu nhiên trong danh sách hộ khẩu của xã.

Sau đây là một số nhận xét của chúng tôi.

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HTX KIỂU MỚI

Đến bây giờ xã Vân Nội đã thành lập 12 HTX kiểu mới chuyên tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn. Còn xã Văn Đức thì chưa có ai đứng lên để thành lập HTX tiêu thụ rau an toàn.

Vậy HTX kiểu mới của xã Vân Nội có hình thức và hoạt động như thế nào? Chúng tôi thấy ở đây quy mô tổ chức nhỏ, số xã viên từ 7 đến 25 người. Quan hệ giữa các xã viên trong một HTX chủ yếu là họ hàng hoặc người hàng xóm trong làng. Xã viên cũng thường xuyên mua sản phẩm của những người khác. Vì người bán rau cho các xã viên HTX đều là họ hàng hay hàng xóm trong làng nên xã viên HTX có thể thường xuyên giám sát chất lượng rau và có thể giữ được chi phí trao đổi thấp. HTX ký hợp đồng trực tiếp với các cửa hàng, siêu thị, nhà hàng, bếp ăn tập thể (như là trường mầm non và trường học, xí nghiệp) để bán rau cho họ thường xuyên. Bên cạnh đó họ cũng tự đi bán lẻ ở các quầy hàng trong chợ không qua người trung gian.

Một ưu điểm rất quan trọng của tổ chức HTX là có con dấu chính thức trong hồ sơ. Khi xã viên đi tiếp thị họ mang giấy giới thiệu của Ủy ban xã, huyện, HTX đã được đóng dấu chính thức để các đơn vị dễ chấp nhận rau an toàn do họ sản xuất. Khi họ bán rau, họ hay đóng vào bao nilông đã được in tên HTX. Cán bộ HTX đều nói nếu cá nhân đi tiếp thị thì sẽ gặp nhiều khó khăn, nhưng tổ chức mà nhà nước đã công nhận thì đi tiếp thị

thuận lợi hơn nhiều. Một ưu điểm khác nữa là tổ chức HTX được sự hỗ trợ và đầu tư của nhà nước và các cơ quan. Ví dụ, đầu tư cho việc xây nhà lưới, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, v.v... HTX có điều kiện thuận lợi từ cả đầu vào đến đầu ra.

Còn xã Văn Đức thì HTX kiểu mới chưa được hình thành. Nông dân ở xã Văn Đức cũng sản xuất rau an toàn theo nguyên tắc sản xuất rau an toàn và cũng được hỗ trợ nhưng không đáng kể.

Sự tồn tại của HTX kiểu mới rõ ràng có ảnh hưởng đến biện pháp tiêu thụ sản phẩm của nông dân một cách rõ rệt. Theo điều tra hộ gia đình của xã Văn Nội thì nông dân tiêu thụ rau của mình thông qua HTX chiếm 80%, bán ở chợ địa phương (gồm cả chợ rau an toàn ở địa phương) chiếm 20%. Nói tóm lại, ở xã Văn Nội, nông dân nói chung không phải lo về đầu ra sản phẩm của mình, bảo đảm giá cả tương đối ổn định và thành công, tiêu thụ được theo giá rau an toàn. Đồng thời xã viên HTX nắm bắt thị trường nhanh để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng qua việc tiếp thị và trực tiếp trao đổi với khách hàng. Cho nên nông dân xã Văn Nội trồng nhiều rau và các loại đa dạng gồm cả các loại rau cao cấp.

Còn xã Văn Đức vì không có HTX kiểu mới nên nông dân ở đây chủ yếu bán rau ở chợ đêm, chợ buôn như chợ Bắc Qua, chợ Ngã Tư Sở, v.v... Nông dân nhiều khi đi từ 7 giờ chiều, thức cả đêm bán rau đến 7 giờ sáng mới về nhà. Nông dân cũng bán cho tư thương trong làng để buôn đi miền Nam, miền Trung. Nói tóm lại là họ phải tự lo đầu ra sản phẩm của mình, họ đã sản xuất rau an toàn theo đúng nguyên tắc nhưng lại không thể tiêu thụ được theo giá rau an toàn vì không có tổ chức để tiêu thụ. Nhiều khi nông dân trồng một số loại rau cố định vì tư thương trong làng này hay mua loại ấy và đôi khi họ cung cấp hạt giống của nó. Cho nên chủng loại rau trồng ở xã Văn Đức không đa dạng như xã Văn Nội.

V. YẾU TỐ CHẾ ĐỘ ĐỊA PHƯƠNG

Mặc dù hai xã có nhiều điểm giống nhau nhưng tại sao có hiện tượng khác nhau về sự phát triển của rau an toàn đến như vậy? Điều tra cho thấy, chế độ, các điều kiện về chức năng của đơn vị hành chính ở hai xã có nhiều điểm khác nhau. Thứ nhất, Ủy ban xã đã xây dựng được mối quan hệ rộng rãi với các đơn vị ngoài xã. Ví dụ án rau an toàn phải được thực hiện với sự tham gia của các cơ quan trung ương nên nếu Ủy ban xã tiếp cận nhanh và rộng rãi thì sẽ có thể thu được các nguồn hỗ trợ. Như xã Văn Nội, cán bộ xã tổ chức triển lãm, hội thảo và mời các đơn vị tham gia để học tập kỹ thuật sản xuất đồng thời quảng cáo rau của mình. Các hoạt động như vậy nâng cao uy tín rau an toàn của xã Văn Nội nên được cấp ủy Đảng và các phương tiện truyền thông đại chúng quan tâm đến. Điều đó có rất nhiều hiệu quả để kêu gọi hỗ trợ và để quảng cáo, còn xã Văn Đức thì Ủy ban xã không có được quan hệ rộng rãi như xã Văn Nội.

Thứ hai, việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, ví dụ như khi một người đứng lên làm các thủ tục để tổ chức HTX, người đó được sự giúp đỡ của chính quyền địa phương và chính quyền cố gắng thực hiện các công việc vì lợi ích của dân. Như Ủy ban nhân dân xã Vân Nội, khi sáng lập viên làm thủ tục để thành lập một HTX, Ủy ban nhân dân xã đóng vai trò cố vấn, tạo điều kiện cho họ hoạt động.

Thứ ba, qui mô và hoạt động của HTX cũ trong xã. Hai xã đều có HTX cũ từ thời kỳ bao cấp đã chuyển sang HTX dịch vụ nông nghiệp. Bên xã Vân Nội, HTX dịch vụ nông nghiệp đã được chia theo các thôn. Họ hầu như không hoạt động nữa, thậm chí ở một thôn việc cung cấp nước thủy lợi cũng đã bị ngừng lại. Có thể ở xã Vân Nội, coi như là HTX tiêu thụ rau thay thế cho HTX cũ. Còn ở xã Văn Đức, HTX dịch vụ nông nghiệp hoạt động ở phạm vi cấp xã mà không chia theo thôn. Họ chủ yếu cung cấp nước thủy lợi, các thông tin kỹ thuật cho nông dân nhưng họ không tìm ra nơi tiêu thụ cho rau an toàn. Ở đây, HTX dịch vụ nông nghiệp vẫn còn duy trì vị trí của nó.

VI. KẾT LUẬN

Với điều kiện như thế nào thì nông dân có thể xây dựng được tổ chức tiêu thụ sản phẩm của mình? Lý do quyết định sự thành công của việc tiêu thụ sản phẩm và xây dựng được HTX kiểu mới phụ thuộc vào chức năng của đơn vị hành chính: một là ủy ban xã có quan hệ rộng rãi với các đơn vị ngoài xã hay không; hai là có thực hiện quy chế dân chủ cơ sở hay không; ba là vai trò của cán bộ HTX kiểu cũ cấp xã như thế nào. Các chế độ cấp xã như thế này rất quan trọng đối với việc giúp bà con nông dân xây dựng tổ chức để đảm bảo thị trường sản phẩm của mình.

Sự phát triển hoạt động của HTX kiểu mới như chúng tôi đã nói trên có thể là trái ngược của lý luận Geertz, nhưng lại phù hợp với thực tế mà Hayami và Kawagoe đã nói. Nhưng hình thức của Việt Nam có điểm khác với mô hình ở Indonesia mà hai ông này đã nêu ra vì HTX Việt Nam không phải là tổ chức chia theo từng lớp mà là tổ chức bình đẳng, nằm ngang.

Thông qua điều tra, chúng tôi thấy rằng, HTX mới làm ăn có hiệu quả. Họ hoạt động bằng chi phí trao đổi thấp và có thể khắc phục được tình trạng độc quyền của tư thương. Nhưng điều đó không phải có nghĩa là hình thức HTX kiểu mới hiện nay không có vấn đề gì cả. Ví dụ như HTX kiểu mới bây giờ coi như là nơi tập trung của tư thương, tức là xã viên hoạt động theo cá nhân, không khác với công ty trách nhiệm hữu hạn vốn chỉ nhằm lợi nhuận của riêng mình. Vì thế chúng tôi cũng ngờ rằng, liệu hình thức này có thể bảo đảm sự an toàn cho người tiêu dùng hay không. Và nếu HTX mới thay thế hoàn toàn HTX cũ thì có khả năng là chức năng

thực hiện phúc lợi xã hội cho cộng đồng của HTX cũ duy trì sẽ dần dần bị xóa bỏ.

Tuy HTX kiểu mới của Việt Nam còn có nhiều vấn đề về kinh tế tập thể và kinh tế cá nhân, nhưng hiện nay đây là mô hình có hiệu quả để tiêu thụ sản phẩm, một yếu tố rất quan trọng để đảm bảo cuộc sống của nông dân.

Trên đây là những nhận xét ban đầu của chúng tôi, sẽ được kiểm nghiệm thêm trong những nghiên cứu tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thế Tuấn (chủ biên) 1995, *Khảo sát các hình thức tổ chức hợp tác của nông thôn nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Geertz Clifford 1963, *Peddlers and Princes*, The University of Chicago Press.
3. Hayami Yujiro và Kawagoe Toshihiko 1993, *The Agrarian Origins of Commerce and Industry*, New York: St. Martin's Press.
4. Ho Thanh Sơn và Bui Thi Thai (Agrarian Systems Department Vietnam Institute of Agricultural Science), Paule Moustier(CIRAD) 2003. *Strategies of Stakeholders in Vegetable Commodity Chain Supplying Hanoi Market*, FSP Project 2000-56, SUSPER : Sustainable development of peri-urban agriculture in South-East Asia?Kingdom of Cambodia, Lao PDR, Vietnam RS, Hanoi, RIFAV.